

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 8 - 2022.

V/v ly hôn giữa chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Ng đơn: Chị Trần Thị H – Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Xóm Ph, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Trần Văn T – Sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Xóm Ph, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/6/2022 cũng như lời khai của Ng đơn chị Trần Thị H tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Văn T vào tháng 01/1999 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2018 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị Trần Thị H xác định giữa chị và anh T có hai con chung là cháu Trần Hồng S, sinh ngày 06/12/1999 và cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 27/02/2009. Hiện cháu S đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết còn cháu Ng chưa trưởng thành đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu Ng và không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị Trần Thị H đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt nhưng anh T có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải và xét xử vắng mặt. Lời khai của anh T tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị Trần Thị H vào tháng 01/1999 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ng nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến tháng 8/2018 thì vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh Trần Văn T xác định giữa anh và chị H có hai con chung là cháu Trần Hồng S, sinh ngày 06/12/1999 và cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 27/02/2009. Hiện cháu S đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết còn cháu Ng chưa trưởng thành đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh để chị H trực tiếp nuôi cháu Ng và anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T đều cư trú tại huyện N. Nay chị Trần Thị H xin ly hôn anh Trần Văn T và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt nhưng anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T vào tháng 01 năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hiểu nhau từ đó xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Đến tháng 8/2018 vợ chồng chị H và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh T cũng nhất trí thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị H xin ly hôn anh T và phía anh T cũng nhất trí ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T đều thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Hồng S, sinh ngày 06/12/1999 và cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 27/02/2009. Hiện cháu S đã trưởng thành tự lập được nên chị H và anh T không yêu cầu giải quyết, còn cháu Ng chưa trưởng thành đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị H và anh T Ly đều thống nhất giao cháu Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Thấy việc thoả thuận của chị H và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội;

1 - Xử thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T.

2 - Về con chung: Xử giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Bảo Ng, sinh ngày 27/02/2009 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0000742 ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Ng đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương